

Số: 268/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2011

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 1264
	Ngày: 23/2

QUYẾT ĐỊNH
Về Biểu giá bán lẻ điện

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt biểu giá bán lẻ điện áp dụng từ năm 2011 với các nội dung như sau:

1. Nguyên tắc xây dựng biểu giá:

a) Giá bán điện được quy định chi tiết cho từng nhóm đối tượng khách hàng sử dụng điện, gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt theo các cấp điện áp bán điện (110kV, từ 22kV đến dưới 110kV, từ 6kV đến dưới 22kV và dưới 6kV).

b) Giá điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày được áp dụng đối với các khách hàng sử dụng điện lớn cho các mục đích sản xuất, kinh doanh ở các cấp điện áp.

c) Biểu giá điện bậc thang cho khách hàng sử dụng điện sinh hoạt gồm 7 bậc với bậc thang đầu tiên (từ 0 - 50 kWh) có giá ở mức tương đương giá thành điện bình quân; giá điện cho bậc thang thứ 2 (từ 0 - 100 kWh) ở mức bằng giá bán điện bình quân được duyệt; giá điện cho các bậc thang tiếp theo tăng dần.

d) Bậc thang đầu tiên trong biểu giá điện sinh hoạt chỉ áp dụng cho các hộ thuộc diện thu nhập thấp (là các hộ thường xuyên có mức sử dụng điện không quá 50kWh/tháng). Các hộ thu nhập thấp muốn được mua điện theo giá của bậc thang đầu tiên thì đăng ký theo hướng dẫn của bên bán điện. Nếu trong 3 tháng liên tiếp, tổng lượng điện sử dụng của hộ đã đăng ký vượt quá 150 kWh thì bên bán điện sẽ tự động chuyển sang mức giá điện của bậc thang thứ hai và các bậc tiếp theo.

Các hộ sử dụng điện sinh hoạt khác áp dụng biểu giá từ bậc thang thứ hai và các bậc tiếp theo.

đ) Các hộ thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định được hỗ trợ giá điện cho 50 kWh/tháng, mức hỗ trợ là 30.000 đồng/hộ/tháng. Kinh phí hỗ trợ giá điện cho các hộ nghèo lấy từ tiền bán điện.

e) Khung giá cho điện sinh hoạt tại những khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo chưa nối lưới điện quốc gia gồm giá trần và giá sàn, trong đó giá sàn bằng 1,5 lần giá bán điện bình quân năm, giá trần bằng 2,5 lần giá bán điện bình quân năm.

2. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện:

Tỷ lệ giá bán lẻ điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện theo cấp điện áp và theo thời gian sử dụng điện trong ngày so với giá bán điện bình quân được duyệt được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Giá bán lẻ điện cho các đối tượng khách hàng được xác định trên cơ sở giá bán điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Công Thương công bố giá bán lẻ điện chi tiết cho các đối tượng khách hàng và hướng dẫn thực hiện. Trường hợp cơ cấu tiêu thụ điện thay đổi, trên nguyên tắc giá bán điện bình quân được duyệt, giá bán lẻ điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện được phép điều chỉnh trong phạm vi $\pm 1\%$ so với tỷ lệ được quy định tại Phụ lục của Quyết định này.

2. Giao Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương ban hành cơ chế trích, chuyển và hạch toán chi phí hỗ trợ giá điện cho các hộ nghèo vào giá điện chung toàn quốc.

b) Ban hành cơ chế tiếp nhận, quản lý, chi trả và giám sát việc thực hiện hỗ trợ giá điện cho các hộ thuộc danh sách các hộ nghèo hàng năm.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ cho hộ nghèo, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định.

3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp nhận kinh phí hỗ trợ giá điện cho các hộ nghèo từ doanh nghiệp bán điện và căn cứ danh sách hộ nghèo để phân bổ cho các địa phương thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận kinh phí hỗ trợ giá điện cho hộ nghèo; tổ chức hỗ trợ cho hộ nghèo theo đúng Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

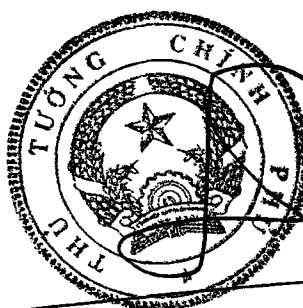
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).Q. 260

THỦ TƯỚNG



(Handwritten signature of Nguyễn Tấn Dũng)

Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

CƠ CẤU ĐIỀU GIÁ BÁN ĐIỆN ÁP DỤNG TỪ NĂM 2011

(Ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-TTg

ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với giá bán điện bình quân năm (%)
1	Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất	
1.1	Các ngành sản xuất	
1.1.1	Cấp điện áp từ 110 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	84%
	b) Giờ thấp điểm	51%
	c) Giờ cao điểm	150%
1.1.2	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	85%
	b) Giờ thấp điểm	53%
	c) Giờ cao điểm	156%
1.1.3	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	88%
	b) Giờ thấp điểm	55%
	c) Giờ cao điểm	161%
1.1.4	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	92%
	b) Giờ thấp điểm	58%
	c) Giờ cao điểm	167%
1.2	Bơm nước tưới tiêu	
1.2.1	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	78%
	b) Giờ thấp điểm	40%
	c) Giờ cao điểm	114%
1.2.2	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	82%
	b) Giờ thấp điểm	42%
	c) Giờ cao điểm	118%
2	Giá bán lẻ điện cho khối hành chính sự nghiệp	
2.1	Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông	



TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với giá bán điện bình quân năm (%)
2.1.1	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	90%
2.1.2	Cấp điện áp dưới 6 kV	96%
2.2	Chiếu sáng công cộng	
2.2.1	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	98%
2.2.2	Cấp điện áp dưới 6 kV	104%
2.3	Đơn vị hành chính sự nghiệp	
2.3.1	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	100%
2.3.2	Cấp điện áp dưới 6 kV	104%
3	Giá bán lẻ điện cho kinh doanh	
3.1	Cấp điện áp từ 22 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	138%
	b) Giờ thấp điểm	78%
	c) Giờ cao điểm	238%
3.2	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	148%
	b) Giờ thấp điểm	88%
	c) Giờ cao điểm	246%
3.3	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	150%
	b) Giờ thấp điểm	92%
	c) Giờ cao điểm	257%
4	Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt	
4.1	Giá bán lẻ điện sinh hoạt	
	Cho kWh từ 0 - 50 kWh*	tương đương giá thành điện bình quân
	Cho kWh từ 0 - 100 kWh	100%
	Cho kWh từ 101 - 150	106%
	Cho kWh từ 151 - 200	134%
	Cho kWh từ 201 - 300	145%
	Cho kWh từ 301 - 400	155%
	Cho kWh từ 401 trở lên	159%
4.2	Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước	132%

Ghi chú: * Áp dụng cho hộ thu nhập thấp có đăng ký với bên bán điện